TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST Ngày: 08-01-2021 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2020 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị M, sinh năm x.

Địa chỉ: Số nhà b, tổ m, ấp T, xã Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn T, sinh năm y.

Địa chỉ: Số nhà b, tổ m, ấp T, xã Th, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Bà M có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989. Vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 22/8/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Thới, thị xã Cao Lãnh (nay là Thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2008 cho đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành mà mâu thuẫn lại ngày càng trầm trọng hơn.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn lý do để níu kéo, bà M yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Thuận Tr, sinh ngày...

2. Nguyễn Trần Ngọc Th, sinh ngày ....

Hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà M.

Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Trần Ngọc Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Đối với Nguyễn Thuận T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Trần Thị M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn, ông Nguyễn Văn T có địa chỉ xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T, ông T có mặt tại nơi cư trú nhưng ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của bà M và ông T được xác lập vào năm 1996, do ông bà tự nguyện và thừa nhận, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh vào ngày 22/8/1996 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà M và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, bà

M cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T cũng không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M và ông T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà M đã hai lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với ông T nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để hàn gắn nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn và sống xa nhau đã hơn 06 tháng mà không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà M được ly hôn với ông T.

[3] Xét con chung: Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn T có có hai con chung gồm: Nguyễn Thuận T, sinh ngày 21/6/1990 và Nguyễn Trần Ngọc Th, sinh ngày 21/02/2003. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với bà M.

Sau khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Trần Ngọc Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Đối với Nguyễn Thuận T đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Trần Ngọc Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Ông T không có văn bản ghi ý kiến, không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T cũng không có mặt để trình bày ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy Ngọc Th là con gái, sắp đến tuổi trưởng thành nên sống chung với mẹ là phù hợp và điều này cũng đúng với nguyện vọng của Ngọc Th nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, bà M được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Trần Ngọc Th, sinh ngày 21/02/2003 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với Nguyễn Thuận T đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và trình bày vợ chồng không có nợ chung; ông T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M, bà M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M, bà M được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Ngọc Th, sinh ngày 21/02/2003, hiện con chung đang sống với bà M.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đối với Nguyễn Thuận T đã trưởng thành, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007251 ngày 15/10/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy bà M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- Ủy ban nhân dân xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh (số 41/HT, quyển số 01, ngày 22/8/1996);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân